

Bản án: 493/2023/DS-PT

Ngày 25 - 7 - 2023

V/v: “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tũu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 2 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 4 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1427/2023/QĐPT ngày 9 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1936; Địa chỉ: 122 VIA CASSIA DR TORONTO ON M6 M5 L3,CANADA; Tạm trú tại: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

1.2. Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964 (có mặt).

1.3. Ông Hồ Hữu P1, sinh năm 1974 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 76 Đường T, khu phố 8, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ liên lạc: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Bà Hồ Thị Hồng H1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

1.5. Bà Hồ Thị Hồng H2, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.6. Ông Hồ Hữu P1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

1.7. Bà Hồ Thị Hồng H3, sinh năm 1959. Địa chỉ: 66 Phú Thứ Trong, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của bà Lê Thị B, bà Hồ Thị Hồng H1 và bà Hồ Thị Hồng H2:

- Ông Hồ Hữu P1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 76 Đường T, khu phố 8, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Hữu P1: Luật sư Nguyễn Thị T2, Văn phòng luật sư Trần Ngọc Bích, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hồ Thị Hồng H4, sinh năm 1955 (vắng mặt);

2.2. Ông Nguyễn Tài H5, sinh năm 1946 (vắng mặt);

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Hiền Đ, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 53/34/7 đường B, phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1960; Địa chỉ: 122 VIA CASSIA DR TORONTO ON M6 M5 L3, CANADA.

3.2. Ông Hồ Hữu P2, sinh năm 1979; Địa chỉ: 51 MURCHISON CRESCENT ETOBICOKE, ON, M9 V3 P5, CANADA.

Người đại diện ủy quyền của ông Hồ Hữu P, ông Hồ Hữu P2:

- Ông Hồ Hữu P1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 75 Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 76 Đường T, khu phố 8, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.3. Anh Nguyễn Hiền Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 53/34/7 đường B, phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.4. Bà Thái Thị Mỹ H6, sinh năm 1974. Địa chỉ: 79 hẻm 1B Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang (vắng mặt).

3.5. Ông Phan Văn G, sinh năm 1952. Địa chỉ: 60 hẻm 1B Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang (vắng mặt).

3.6. Bà Đinh Thị H7, sinh năm 1982. Địa chỉ: 17/1 Ấp Bắc, khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang (vắng mặt).

3.7. Bà Hồ Thanh P3, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3.8. Bà Trần Cẩm G1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

3.9. Ông Lê Hoàng P3, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3.10. Ông Phan Văn L1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3.11. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

3.12. Ông Đoàn Quốc D1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3.13. Ông Lê Mai Thành T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: hẻm 1B Đường N, khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang.

3.14. Ủy ban nhân dân thành phố M. Địa chỉ: 36 Hùng Vương, phường 7, thành phố M, Tiền Giang (có văn bản đề nghị vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hồ Hữu P1 và ông Hồ Hữu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, các nguyên đơn thống nhất trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 7.904m² do ông Hồ Văn K (chết năm 2010) và bà Lê Thị B (đang định cư ở Canada) mua vào năm 1972. Đất thuộc thửa số 46, diện tích 7.690m² và thửa số 15A, diện tích 214,3 m², cùng tờ bản đồ 868 tại ấp 4, xã Trung An, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Sau năm 1975, ông bà tiếp tục quản lý sử dụng hai thửa đất trên. Đến năm 1997, ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B chuẩn bị làm thủ tục đi xuất cảnh sang Canada thuộc diện gia đình bảo lãnh nên ông bà lập thủ tục để cho con ruột là bà Hồ Thị Hồng H4 đại diện đứng tên giùm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Bà H được Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDĐ/UB ngày 15/02/1997. Hiện tại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị B quản lý.

Trên thửa đất số 15A, ông K, bà B có xây dựng 01 căn nhà kiên cố, 01 căn nhà cấp 4 và trên thửa đất số 46, ông bà có xây dựng 03 căn nhà cấp 4. Các căn nhà gắn liền với hai thửa đất do các con của ông Hồ Văn K và Lê Thị B đang quản lý, sử dụng từ năm 1997 đến nay. Riêng bà Hồ Thị Hồng H4 không trực tiếp quản lý, sử dụng đất.

Năm 2001, ông K, bà B họp mặt tất cả các con để thực hiện phân chia quyền sử dụng đất cho các con đối với phần đất diện tích 7.904m² do Hồ Thị Hồng H4 đứng tên. Sau khi bàn bạc, các bên thống nhất xác lập tờ Giấy thỏa thuận ngày 31/01/2001 với nội dung như sau: Xác định phần đất diện tích 7.904 m² thuộc quyền sử dụng của ông K, bà B tạo ra, Bà H chỉ đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trong đó, đất ông K, bà B chia cho Hồ Thị Hồng H4 diện tích 1000m², phần diện tích còn lại được chia đều cho những người con khác.

Sau khi lập văn bản thỏa thuận ngày 31/01/2001, ông K, bà B làm thêm tờ Giấy thỏa thuận ngày 04/02/2001 có xác nhận tại xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/02/2001. Nội dung thỏa thuận như sau: Ông Hồ Văn K, bà Lê Thị B chỉ ủy quyền tạm cho bà Hồ Thị Hồng H4 đứng tên; Khi ông, bà cần thu hồi lại Giấy ủy quyền sử dụng đất thì Bà H không đòi hỏi điều kiện gì và giao nhà, đất lại cho ông K, bà B. Khi ông K, bà B chuyển quyền sử dụng nhà, đất cho Bà H thì Bà H chưa có gia đình; Sau khi ông K, bà B qua đời thì các con phải chia tài sản theo di chúc cho chín người con; Trong thời gian được ủy quyền bà Hồ Thị Hồng H4 không được sang nhượng và thế chấp.

Sau khi lập hai văn bản thỏa thuận nêu trên, ngày 20/12/2004, các con ông K, bà B thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất bằng Bản cam kết về phân chia quyền sử dụng đất ngày 20/12/2004, được phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang chứng thực, số công chứng 89 Quyền số 01/TP/CC-SCC/CK ngày 20/12/2004. Bản cam kết do vợ chồng Bà H, các ông bà P1, P2, P3, H1, H2, H3 cùng ký tên (Tại trang 2 Bản cam kết này ghi ngày 07/12/2004). Nội dung Bản cam kết như sau:

Nguồn gốc đất của cha mẹ là ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B, giữ gìn để chia cho tất cả các em, mỗi người một phần sử dụng, làm tài sản riêng trong tổng diện tích 7.904m²;

Ông Hồ Hữu P được chia 700m²;

Ông Hồ Hữu P1 được chia 900m²;

Bà Hồ Thị Hồng H1 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H2 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H3 được chia 150m²;

Ông Hồ Hữu P1 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 được quyền giữ lại 1.000m²;

Phần đất diện tích còn lại là 3.054 m² thuộc quyền sở hữu của cha, mẹ để lại cho cha, mẹ dưỡng già và đứng tên. Nếu mẹ không đứng tên được thì mẹ chỉ định tất cả các con đồng đứng tên gồm: Hồ Hữu P1; Hồ Hữu P; Hồ Hữu P; Hồ Hữu P2; Hồ Hữu P1; Hồ Thị Hồng H1; Hồ Thị Hồng H3; Hồ Thị Hồng H2;

Khi nào các em Bà H có yêu cầu tách quyền sử dụng đất, thì bà có nghĩa vụ ký tên hợp thức hóa mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì.

Từ ngày lập Giấy thỏa thuận ngày 31/01/2001, Giấy thỏa thuận 08/02/2001 và Giấy cam kết 20/12/2004, nhiều lần ông K, bà B và các con của ông bà yêu cầu

Bà H thực hiện phân chia quyền sử dụng đất nhưng Bà H vẫn không thực hiện. Trái lại, Bà H còn khởi kiện yêu cầu trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều này không đúng theo giấy cam kết khi đó.

Đến ngày 01/12/2009, tại nhà số 75 Quốc lộ 60, phường 10, Mỹ Tho, Tiền Giang, ông K, bà B lập tờ di chúc với nội dung: xác định 05 căn nhà tại hai thửa đất 46 và 15A tại phường 10, Mỹ Tho là tài sản chung của ông bà; Ông bà chia đều nhà và đất cho 09 người con; Riêng Bà H được chia 1000m² đất và 1/9 căn nhà tại số 75 Quốc lộ 60. Tại bản di chúc này, ông K, bà B cũng xác định vị trí, diện tích từng phần đất chia cho các con. Di chúc được ông K, bà B lăn tay và ký tên và được lập thành 10 bản như nhau.

Năm 2017, bà Hồ Thị Hồng H4 kiện ông Hồ Hữu P yêu cầu trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B có yêu cầu phản tố, yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà H. Qua hai cấp xét xử, Tòa sơ thẩm (Bản án số 38/2019/DS-ST ngày 27/08/2019), Tòa phúc thẩm (bản án số 655/2019/DS-PT ngày 18/12/2019) đã quyết định, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hồ Thị Hồng H4, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B. Phần nhận định của bản án nêu các ông bà được quyền khởi kiện bằng vụ án khác để tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hồ Thị Hồng H4, để thực hiện đăng ký kê khai xin cấp quyền sử dụng đất cho tất cả anh, chị, em, phần của ai người đó đứng tên quản lý và sử dụng.

Vì những lý do nêu trên, các nguyên đơn yêu cầu tòa án xem xét giải quyết:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Hồ Thị Hồng H4 đứng tên;

Công nhận cho ông Hồ Hữu P được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m²;

Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 900m²;

Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m²;

Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m²;

Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 150m²;

Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m²;

Vợ chồng bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 giữ lại 1.000m²;

Buộc bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại đất cho bà Lê Thị B phần diện tích đất còn lại 3.054m²;

Các phần đất nguyên đơn yêu cầu thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tổng diện

tích 7.904m², tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nếu bà Lê Thị B không đứng tên được thì bà B chỉ định tất cả các con đồng đứng tên gồm: Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2;

Các ông bà Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H2, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Hữu P1 được quyền liên hệ các cơ quan hành chính có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B và ông P trình bày, yêu cầu thực hiện theo Bản cam kết ngày 20/12/2004, chia đất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 có người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Hiến D trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa 15A do Bà H mua của ông Hà Văn L2 từ nguồn tiền bán xe Honda. Đây là tài sản chung của cha mẹ anh vì mua trong thời kỳ hôn nhân. Về việc công nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của các bên nguyên đơn là không đúng với cam kết giữa các bên. Vợ chồng Bà H chỉ thực hiện cam kết khi các em của Bà H thực hiện việc chia đất của các em cho Bà H (các em Bà H đã được đứng tên quyền sử dụng đất ở Bến Tre). Các em của Bà H chưa thực hiện cam kết đó nên Bà H không công nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận ngày 20/12/2004.

Về vấn đề buộc bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại phần diện đất còn lại 3.054m² cho bà Lê Thị B là không phù hợp như đã trình bày trên và trái pháp luật theo phiên xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/12/2019.

Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Hồ Thị Hồng H4 và Nguyễn Tài Hiến đứng tên thuộc thửa số 15A và 46, tờ bản đồ 868, tại ấp 4, xã Trung An, thành phố M là hợp pháp. Vấn đề này đã được xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B về việc kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố M thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997, cấp cho bà Hồ Thị Hồng H4.

Bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra Bà H và ông Hiến yêu cầu bà Lê Thị B và ông Hồ Hữu P thực hiện việc trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UBND thành phố M như quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lại quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị Hồng H4 trong thời gian sớm nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hữu P và ông Hồ Hữu P2 có yêu cầu độc lập, có người đại diện là ông P, ông Phong trình bày:

Ông Phước, ông Phụng là con ruột của bà B, ông K, là người bảo lãnh cha

mẹ sang Canada, giúp cha mẹ mua phần đất thuộc thửa 15A, diện tích 214,3m², tại ấp 4, xã Trung An, thành phố M, Tiền Giang.

Về nguồn gốc đất và quá trình lập các văn bản thỏa thuận, cam kết, như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông Hồ Hữu P và ông Hồ Hữu P2 thống nhất với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Bà H, yêu cầu chia đất cho các anh em như nguyên đơn trình bày. Sau khi Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị Hồ Thị Hồng H4 trả lại chủ quyền sử dụng đất cho các anh chị em và trả lại phần diện tích đất còn lại cho bà Lê Thị B là 3.054m², thì bà B trả lại cho ông Phước 500m², 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60 và trả lại cho ông Phụng 400m², 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60 trong phần đất diện tích 3.054m². Nếu bà B không đứng tên được thì yêu cầu bà chỉ định tất cả các con đồng đứng tên: Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2.

Ông Phụng và ông Phước đồng ý hưởng tài sản thừa kế do cha mẹ cho và để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Thái Thị Mỹ H6, ông Phan Văn G, bà Đinh Thị H7, bà Hồ Thanh P3, bà Trần Cẩm G1, ông Lê Hoàng P3, ông Phan Văn L1, bà Phạm Thị H, ông Đoàn Quốc D1, ông Lê Mai Thành T2 trình bày:

Đường nước đối diện nhà Bà H, ông G, bà H, bà P, bà G, ông P, ông L, bà H, ông D, ông T đã có từ xưa đến giờ. Nhưng đến nay bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Hồ Hữu P đang tranh chấp đất đai bên gia đình họ. Bà H, ông G, bà H, bà P, bà G, ông P, ông L, bà H, ông D, ông T yêu cầu Tòa án xem xét và chừa lại phần mương thoát nước để họ được thoát nước sinh hoạt như từ xưa đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 4 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 2, Khoản 5, Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 200, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 219, Điều 609, Điều 624 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 166, 179, 188 Luật đất đai.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của các ông bà Lê Thị B, Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn gồm các ông bà Lê Thị B, Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2 về các yêu cầu sau:

2.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Hồ Thị Hồng H4 đứng tên.

2.2. Công nhận cho ông Hồ Hữu P được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 900m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.4. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.6. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 150m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.7. Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.8. Vợ chồng bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 được quyền sử dụng 1.000m² đất, trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.9. Buộc bà Hồ Thị Hồng H4, ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại đất cho bà Lê Thị B phần đất còn lại diện tích 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 về các yêu cầu sau:

3.1. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Hồ Thị Hồng H4 đứng tên; Yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản do cha mẹ cho và để lại.

3.2. Buộc bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại đất cho bà Lê Thị B phần diện tích đất còn lại 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Yêu cầu bà B trả lại cho ông Phước 500m² (trong phần đất diện tích 3.054m²), 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60, và trả lại cho ông Phụng 400m² (trong phần đất diện tích 3.054m²), 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60, sau khi bà Hồ Thị Hồng H4

trả lại chủ quyền sử dụng đất cho các anh chị em và trả lại phần đất còn lại cho bà Lê Thị B diện tích là 3.054m².

4. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 về việc được đứng tên giữ bà Lê Thị B đối với phần đất diện tích là 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/8/2022, nguyên đơn ông Hồ Hữu P1 và ông Hồ Hữu P kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hồ Hữu P1 và ông Hồ Hữu P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Hồ Hữu P1 trình bày:

Về nguồn gốc tài sản: Vào ngày 17/7/1975, bà Lê Thị N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Kim Hoa; giao dịch chuyển nhượng này được UBND xã Trung An, tỉnh Mỹ Tho chứng thực. Đồng thời theo nội dung tờ bản đồ đất ruộng hoang ghi rõ bà Lê Thị N bằng lòng cho con gái tôi là Lê Thị B sinh năm 1936, Ủy ban cách mạng xã Trung An chứng thực. Với hai văn bản này đã thể hiện rõ nguồn gốc của quyền sử dụng đất này. Đến năm 1997, bà Lê Thị B và chồng là ông Hồ Văn K chuẩn bị xuất cảnh để định cư tại CANADA theo diện đoàn tụ gia đình. đồng thời tạo điều kiện cho các con ở lại Việt Nam tiếp tục canh tác sử dụng, con nào cũng được hưởng tài sản của cha mẹ để lại, Cha mẹ tôi mới giao phần diện tích đất cho chị Hồ Thị Hồng H4 thay mặt mình quản lý và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.904 m² sử dụng giữ gìn để phân chia quyền sử dụng đất cho các em như sau: Cho ông Hồ Hữu P được 700m²; Ông Hồ Hữu P1 được 900m²; Bà Hồ Thị Hồng H1 được 700m²; Bà Hồ Thị Hồng H2 được 700m²; Bà Hồ Thị Hồng H3 được 150m²; Ông Hồ Hữu P1 được 700m²; Bà Hồ Thị Hồng H4 được 1.000m², Bà H đứng tên thay đổi với quyền sử dụng đất phần Bà H được nhiều hơn các thửa kế khác; Phần còn lại sau khi trừ đi 200m² đất để làm mộ bia (khoảng 2.854m²) để làm đường đi chung. Như vậy, bà Hồ Thị Hồng H4 được ông K và bà B cho quản lý và đứng tên thay trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng số 7.904m².

Về việc lập tờ cam kết ngày 20/12/2004, do được ông K và bà B cho quản lý và đứng tên thay trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Hồ Thị Hồng H4 được UBND TP. Mỹ Tho cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000686/QSĐĐ/UB ngày 15/02/1997. Ngày 20/12/2004, nhằm cụ thể hóa việc quản lý và đứng tên thay trên Giấy chứng nhận, theo hướng dẫn của Công chứng viên, các bên lập Giấy cam kết

thực hiện điều kiện do cha mẹ để lại tại phòng công chứng tỉnh Tiền Giang. Giấy cam kết này chỉ là nhắc lại phần tài sản mà cha mẹ là ông K và bà B cho các con quản lý và đứng tên thay trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về tờ di chúc lập ngày 01/12/2009, theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 thì di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Trên thực tế, tại thời điểm lập di chúc (2009), mặc dù Bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bên đều hiểu rằng Bà H chỉ là được quản lý và đứng tên thay trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thôi; tài sản vẫn thuộc ông K và bà B nên ông K và bà B mới lập di chúc. Tại bản di chúc này ông K, bà B xác định vị trí, diện tích từng phần đất chia cho các con.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị B và ông Hồ Hữu P1; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà H trình bày:

Hai thửa đất có giấy chứng nhận số 00068 QSDĐ/UB ngày 15/12/1997 do UBND Thành Phố Mỹ Tho cấp cho bà Hồ Thị Hồng H4 và Nguyễn Tài H5 đứng tên trên thửa số 15 và 46 tờ bản đồ 868 ấp 4 xã Trung An, thành phố M là hợp pháp và hoàn toàn do tôi mua từ chủ khác, chưa sang tên từ những người có liên quan trọng vụ án. Về việc công nhận theo yêu cầu của các bên nguyên đơn là không đúng với cam kết và thỏa thuận miệng các bên. Sau năm 1992, Bà H đi lập nghiệp tại Sài Gòn với chồng nên có nhờ các em trông coi hộ khi có thời gian. Tuy nhiên, các em của bà đã lợi dụng lấy sổ đỏ để lấy tiền đền bù cắt ngang phần đất của bà mà không thông báo qua cho bà.

Về tài sản của ba mẹ, bà không hề thừa hưởng và có được di chúc nào từ cha là ông Hồ Văn K và mẹ là bà Lê Thị B. Cho nên về vấn đề tài sản và di chúc của ông K và bà B không liên quan đến vấn đề tranh kiện khởi kiện này và không được thành lập.

Vì vậy, đề nghị bác bỏ và không công nhận tất cả yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ngoài ra, Bà H yêu cầu bà Lê Thị B và ông Hồ Hữu P thực hiện việc trả lại quyền sử dụng đất trong thời gian sớm nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 về việc được đứng tên giùm bà Lê Thị B đối với phần đất diện tích là 3.054m², thuộc thửa số 15A và

thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P, Phong và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của các ông Hồ Hữu P1 và ông Hồ Hữu P đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự:

Các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có người đại diện theo ủy quyền và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc được triệu tập lần thứ 2 nhưng không có mặt. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản, chia thừa kế theo di chúc, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh là đúng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 5, Khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/11/2020, các nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Tòa án nhân dân tỉnh tiền Giang đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của các nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông Hồ Hữu P1 và ông Hồ Hữu P:

[2.1] Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy cam kết ngày 20/12/2004 và yêu cầu bị đơn trả lại phần đất diện tích 3.054m² cho bà Lê Thị B:

Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 cùng thống nhất, hai thửa đất 15A và 46, tờ bản đồ 868 tọa lạc khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà H là tài sản của vợ chồng ông Hồ Văn K, bà Lê Thị B. Tuy nhiên đại diện hợp pháp của bị đơn thì cho rằng thửa đất 15A là tài sản chung của vợ chồng Bà H, do ông bà mua của ông Hà Văn L2.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù phần đất nói trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà H nhưng căn cứ vào Giấy cam kết ngày 20/12/2004, xác định được phần đất diện tích 7.904m² thuộc hai thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B. Bà Lê Thị Hồng H chỉ là người

được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét Bản cam kết về phân chia quyền sử dụng đất ngày 20/12/2004 có nội dung cam kết như sau:

Nguồn gốc đất của cha mẹ là ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B, giữ gìn để chia cho tất cả các em, mỗi người một phần sử dụng, làm tài sản riêng trong tổng diện tích 7.904m²;

Ông Hồ Hữu P được chia 700m²;

Ông Hồ Hữu P1 được chia 900m²;

Bà Hồ Thị Hồng H1 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H2 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H3 được chia 150m²;

Ông Hồ Hữu P1 được chia 700m²;

Bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 được quyền giữ lại 1.000m²;

Phần đất diện tích còn lại là 3.054 m² thuộc quyền sở hữu của cha, mẹ để lại cho cha, mẹ dưỡng già và đứng tên. Nếu mẹ không đứng tên được thì mẹ chỉ định tất cả các con đồng đứng tên gồm: Hồ Hữu P1; Hồ Hữu P; Hồ Hữu P; Hồ Hữu P2; Hồ Hữu P1; Hồ Thị Hồng H1; Hồ Thị Hồng H3; Hồ Thị Hồng H2;

Khi nào các em Bà H có yêu cầu tách quyền sử dụng đất, thì bà có nghĩa vụ ký tên hợp thức hóa mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì.

Bản cam kết này mặc dù được phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang chứng thực, số công chứng 89 Quyền số 01/TP/CC-SCC/CK ngày 20/12/2004 và được vợ chồng Bà H, các ông bà P1, P2, P3, H1, H2, H3 cùng ký tên (Tại trang 2 Bản cam kết này ghi ngày 07/12/2004). Tuy nhiên xét thấy, về mặt nội dung thì thỏa thuận của các bên tại bản cam kết này không có giá trị pháp lý. Bởi lẽ, các chủ thể tham gia ký kết giao dịch này hoàn toàn không có quyền thỏa thuận phân chia tài sản thuộc quyền sử dụng của người khác khi không có ý kiến của họ tại thời điểm ký văn bản. Đồng thời, sau đó vào ngày 01/12/2009, ông K, bà B lại lập bản di chúc chung định đoạt các tài sản là hai thửa đất nêu trên, chia đất cho các con với diện tích và vị trí cụ thể nên bị điều chỉnh bởi thời điểm có hiệu lực theo quy định tại Điều 668 Bộ luật dân sự 2005. Ông Hồ Văn K chết vào ngày 15/2/2010, hiện nay bà Lê Thị B vẫn còn sống nên di chúc chung của vợ chồng chưa phát sinh hiệu lực. Do đó yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn theo Giấy cam kết ngày 20/12/2004 và trả lại phần diện tích 3.054m² cho bà Lê Thị B không được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu của các đương sự về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 15/02/1997 cho bà Hồ Thị Hồng H4:

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù trong các văn bản như Giấy thỏa thuận ngày 08/02/2001, Cam kết ngày 20/12/2004, Di chúc ngày 01/12/2009, các đương

sự đều thống nhất xác định hai thửa đất 15A và 46 tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00068/QSDD/UB ngày 15/02/1997 cấp cho bà Hồ Thị Hồng H4 nhưng là tài sản chung của ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B. Tuy nhiên, việc Bà H được cấp quyền sử dụng đất được vợ chồng bà B và các con đồng ý và không có ý kiến phản đối.

Đồng thời, trong vụ án dân sự “Tranh chấp đòi tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự, yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm (Bản án số 38/2019/DS-ST) và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm (Bản án số 655/2019/DS-PT) giữa nguyên đơn là Bà H và bị đơn là ông Phong, bà Lê Thị B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Bà B có yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Bà H đối với hai thửa đất 15A và 46 tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, Tiền Giang. Tòa án hai cấp xét xử đều không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B vì cho rằng việc cấp quyền sử dụng đất hai thửa 46 và 15A cho Bà H là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó cấp sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDD/UB do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 15/02/1997 cho bà Hồ Thị Hồng H4 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy di chúc chung của vợ chồng có hiệu lực một phần khi một trong hai bên mất, phần di chúc có hiệu lực là phần di chúc liên quan đến di sản của người chết. Còn phần di chúc còn lại chưa phát sinh hiệu lực. Do đó bà Lê Thị B cùng các thừa kế khác có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác yêu cầu chia di sản thừa kế đến di sản của ông Hồ Văn K và bà Lê Thị B có quyền sửa đổi, bổ sung di chúc để định đoạt liên quan đến phần tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Hữu P1 và Hồ Hữu P kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên các nguyên đơn ông Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 4 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Khoản 2, Khoản 5, Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 200, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 219, Điều 609, Điều 624 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 166, 179, 188 Luật đất đai.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của các ông bà Lê Thị B, Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn gồm các ông bà Lê Thị B, Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P, Hồ Hữu P1, Hồ Thị Hồng H1, Hồ Thị Hồng H3, Hồ Thị Hồng H2 về các yêu cầu sau:

2.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDĐ/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Hồ Thị Hồng H4 đứng tên.

2.2. Công nhận cho ông Hồ Hữu P được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 900m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.4. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.6. Công nhận cho bà Hồ Thị Hồng H3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 150m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.7. Công nhận cho ông Hồ Hữu P1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 700m², trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.8. Vợ chồng bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 được quyền sử

dụng 1.000m² đất, trong tổng số diện tích 7.904 m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.9. Buộc bà Hồ Thị Hồng H4, ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại đất cho bà Lê Thị B phần đất còn lại diện tích 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 về các yêu cầu sau:

3.1. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068/QSDD/UB ngày 15/02/1997 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho Hồ Thị Hồng H4 đứng tên; Yêu cầu được hưởng thừa kế tài sản do cha mẹ cho và để lại.

3.2. Buộc bà Hồ Thị Hồng H4 và ông Nguyễn Tài H5 giao trả lại đất cho bà Lê Thị B phần diện tích đất còn lại 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Yêu cầu bà B trả lại cho ông Phước 500m² (trong phần đất diện tích 3.054m²), 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60, và trả lại cho ông Phụng 400m² (trong phần đất diện tích 3.054m²), 1/9 căn nhà số 75 quốc lộ 60, sau khi bà Hồ Thị Hồng H4 trả lại chủ quyền sử dụng đất cho các anh chị em và trả lại phần đất còn lại cho bà Lê Thị B diện tích là 3.054m².

4. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Hữu P, Hồ Hữu P2 về việc được đứng tên giùm bà Lê Thị B đối với phần đất diện tích là 3.054m², thuộc thửa số 15A và thửa số 46, tờ bản đồ 868, tại khu phố 4, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Hữu P1, Hồ Hữu P mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0000259, 0000260 ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

[4] Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tiền Giang; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang; (1)
- Nguyên đơn; (7)
- Bị đơn; (2)
- NLQ; (14)
- Lưu VT (6), HS (2) T.36 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long